

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TIỀN THỊNH

MST: 6300254045

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 3 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.411.417.498	361.595.650.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3.774.995.235	375.099.485
1. Tiền	111		3.774.995.235	375.099.485
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.121.590.641	118.877.267
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	10.121.590.641	118.877.267
(*)	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.735.960.460	248.743.886.081
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	16.238.999.439	54.762.329.547
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	228.488.818.211	193.979.188.534
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.05	5.980.000.000	
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.06a	28.142.810	2.368.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136			
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137			
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	92.876.049.642	103.315.647.334
1. Hàng tồn kho	141		94.387.622.493	104.827.220.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(1.511.572.851)	(1.511.572.851)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151			
hạn	152			
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		11.902.821.520	9.042.139.996
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.08a	1.453.194.713	437.675.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		10.449.626.807	8.604.464.843
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164			
5. Tài sản ngắn hạn khác	165			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.245.450.404	123.230.303.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.06b		
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216			
II. Tài sản cố định	220		107.414.277.891	117.688.661.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	99.655.323.741	109.749.203.116
- Nguyên giá	222		207.132.655.120	206.397.303.787
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(107.477.331.379)	(96.648.100.671)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.758.954.150	7.939.458.024
- Nguyên giá	228		9.698.317.880	9.698.317.880
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.939.363.730)	(1.758.859.856)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			
trưởng thành	232			
trưởng thành	233			
- Nguyên giá	234			
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235			
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236			
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237			
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238			
IV. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11	441.111.112	90.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		441.111.112	90.000.000
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		26.000.000.000	1.760.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.02b	26.000.000.000	1.760.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265			
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266			
VII. Tài sản dài hạn khác	270		3.390.061.401	3.691.642.138
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.08b	3.390.061.401	3.691.642.138
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273			
4. Tài sản dài hạn khác	274			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		506.656.867.902	484.825.953.441
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		246.973.129.932	237.285.362.668
I. Nợ ngắn hạn	310		233.409.938.937	201.082.819.459
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.182.469.018	12.317.778.026
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.293.698.554	926.532.056
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	764.984.295	1.054.920.092
5. Phải trả người lao động	315	V.15	2.727.211.550	949.295.800
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	190.627.622	2.867.119.784
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318			
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319			
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17a	421.962.400	174.967.500
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	172.828.985.498	182.792.206.201
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322			
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
14. Quỹ bình ổn giá	324			
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325			
II. Nợ dài hạn	330		13.563.190.995	36.202.543.209
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333			
4. Chi phí phải trả dài hạn	334			

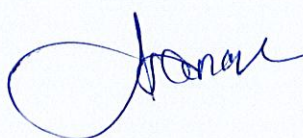
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335			
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336			
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337			
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.17b	2.575.190.995	15.123.043.209
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	10.988.000.000	21.079.500.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340			
11. Cổ phiếu ưu đãi	341			
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342			
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343			
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	259.683.737.970	247.540.590.773
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		244.021.050.000	228.057.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.021.050.000	228.057.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.662.687.970	19.482.700.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		3.519.540.773	19.482.700.773
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		12.143.147.197	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		506.656.867.902	484.825.953.441

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Hà Giang

Lập, Ngày 28 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



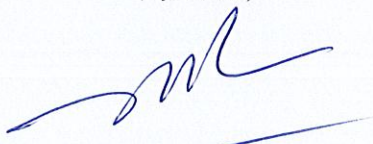
Phạm Tiến Hoài

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 Kỳ kế toán quý 3 năm 2026

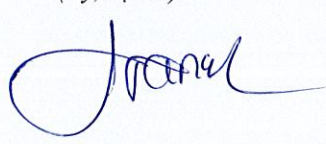
Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Lũy kế năm 2026	Lũy kế năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	264.097.868.356	75.909.429.511	475.012.982.156	227.184.990.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		100.915.206		110.839.910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		264.097.868.356	75.808.514.305	475.012.982.156	227.074.151.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	249.728.728.421	58.590.421.798	436.734.560.823	190.183.344.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.369.139.935	17.218.092.507	38.278.421.333	36.890.806.623
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	1.203.473.706	388.016.669	2.220.721.887	908.069.626
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	4.793.461.967	3.189.367.858	12.152.920.516	8.740.897.278
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		4.265.543.633	3.118.534.382	11.286.242.466	8.488.738.434
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.781.330.875	2.524.746.107	8.518.893.943	5.274.722.231
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.502.498.861	2.899.516.963	7.003.652.451	7.604.253.516
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		2.495.321.938	8.992.478.248	12.823.676.310	16.179.003.224
12. Thu nhập khác	31	VI.8	103.924		103.924	46.296.296
13. Chi phí khác	32	VI.9	15.130.074	3.205.797	39.444.025	82.106.906
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(15.026.150)	(3.205.797)	(39.340.101)	(35.810.610)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.480.295.788	8.989.272.451	12.784.336.209	16.143.192.614
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		124.771.293	450.124.381	641.189.012	816.483.355
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.355.524.495	8.539.148.070	12.143.147.197	15.326.709.259
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		97	416	498	746
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		97	416	498	746

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)


 Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)


 Trần Hà Giang

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 3 năm 2026

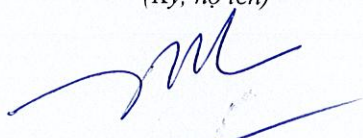
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2026

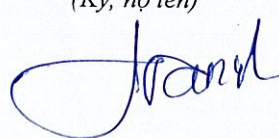
Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		600.523.381.107	270.112.601.248
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(572.917.701.366)	(340.629.377.695)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.763.720.000)	(6.078.255.710)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(11.248.431.916)	(8.724.039.294)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(939.795.982)	(783.859.791)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		181.604.139.171	143.798.724.606
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(131.563.254.561)	(92.617.210.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.694.616.453	(34.921.417.401)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.240.000.000)	(260.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.240.000.000)	(260.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		305.084.140.176	227.689.196.369
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(325.138.860.879)	(192.460.352.709)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.054.720.703)	35.228.843.660
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		3.399.895.750	47.426.259
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		375.099.485	82.437.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		3.774.995.235	129.863.847

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


 Ngô Ngọc Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


 Trần Hà Giang

Lập, Ngày 28 tháng 10 năm 2026

Chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

 Phạm Tiến Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sấy và gia công các mặt hàng nông sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai có trụ sở chính tại lô A5-6-7 đường số 1, KCN Nam Pleiku, thôn Khôi Zô, xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến và bảo quản rau quả, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu. Tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 52%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Chi nhánh công ty

Chi nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tiến Thịnh tại Khánh Hòa, đặt tại địa chỉ: thôn Hiếu Thiện, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam do Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa – phòng Quản lý Doanh nghiệp cấp ngày 10 tháng 09 năm 2026.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc quý Công ty có 134 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 132 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội tại thời điểm mua, phần chiết khấu được phân bổ dần trong suốt kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp đường thẳng, ghi tăng giá trị

630
CỔ
CỔ
TẬP
TIẾN
THỊNH
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

khoản đầu tư và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; phần phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp tương tự, ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí bảo hiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49,5 năm, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hằng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành từ nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu hoặc các trường hợp sử dụng vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và các nguồn khác thuộc vốn chủ sở hữu để tăng thêm hoặc bổ sung vốn điều lệ thì doanh nghiệp ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các nguồn thuộc vốn chủ sở hữu và ghi tăng vốn khác khi phát hành cổ phiếu, phân phối lợi nhuận. Khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp ghi giảm vốn khác và ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

30
CỔ
CỔ
ÁP
ẤN
HU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Tổng Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp do các cá nhân thuộc các nhóm trên kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: vợ/chồng, con đẻ, con nuôi, con riêng và những người phụ thuộc của cá nhân đó hoặc vợ/chồng của họ.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	17.962.596	11.302.821
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.757.032.639	363.796.664
Cộng	3.774.995.235	375.099.485

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng ⁽ⁱ⁾	10.117.972.809	10.117.972.809	117.972.809	117.972.809
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	3.617.832	3.617.832	904.458	904.458
Cộng	10.121.590.641	10.121.590.641	118.877.267	118.877.267

- ⁽ⁱ⁾ Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai	26.000.000.000	26.000.000.000	-	1.760.000.000	1.760.000.000	-
Cộng	26.000.000.000	26.000.000.000	-	1.760.000.000	1.760.000.000	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901235782 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai 26.000.000.000 VND, tương đương 52% vốn điều lệ. Tại ngày cuối kỳ, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai đủ 26.000.000.000 VND.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty con

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch góp vốn cho Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia Lai là công ty con với số tiền là 22.630.000.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Hạnh Nguyên Logistics				
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Phú Thịnh				
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH MTV Nông sản Huỳnh Nghĩa				
Newton Buying Corp. (T.J. Maxx)				
Marshalls of MA, Inc.				
Aliment Médailon Food INC				
SAPREX HANDELS GMBH				
WANTONG LOGISTICS INTERNATIONAL LTD				
YIWU KAIHE IMPORT AND EXPORT CO., LTD				
Dohler Holland B.V				
Các khách hàng khác				
Cộng				
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Trả trước cho bên liên quan				
Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics				
Trả trước cho người bán khác				
Công ty Cổ phần Nông sản Hữu cơ Agriorganics				
Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí Tiến Đạt				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp ECOTECH				
Các nhà cung cấp khác				
Cộng				
5. Phải thu nội bộ ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Tiến Thịnh Gia				
Lai mượn vốn	5.980.000.000	-	-	-
Cho mượn trong kỳ	5.980.000.000	-	-	-
Trả trong kỳ	-	-	-	-
Cộng	5.980.000.000	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	27.142.810	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	2.368.000	-
Cộng	28.142.810	-	2.368.000	-
7. Hàng tồn kho				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.197.183.478	-	34.890.971.269	-
Công cụ, dụng cụ	1.301.147.766	-	1.394.200.814	-
Thành phẩm	61.588.672.610	(1.511.572.851)	68.461.408.372	(1.511.572.851)
Hàng hóa	9.300.618.639	-	80.639.730	-
Cộng	94.387.622.493	(1.511.572.851)	104.827.220.185	(1.511.572.851)

Toàn bộ hàng tồn kho cuối kỳ đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.000.000	16.500.000
Chi phí bảo hiểm	609.095	183.867.792
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	612.540.256	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	837.045.362	237.307.361
Cộng	1.453.194.713	437.675.153

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	119.632.389	34.899.740
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	799.422.021	1.055.321.352
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	2.457.440.320	2.505.312.535
Các chi phí trả trước dài hạn khác	13.566.671	96.108.511
Cộng	3.390.061.401	3.691.642.138

- (i) Trong đó, chi phí thuê đất trả tiền một lần cho thời hạn 42 năm với số tiền là 2.659.567.450 VND tại xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 525/TB-CTHAG của Cục thuế tỉnh Hậu Giang ngày 22 tháng 8 năm 2023.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	110.407.652.350	94.891.668.831	1.033.173.515	64.809.091	206.397.303.787
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Mua sắm trong kỳ	-	735.351.333	-	-	735.351.333
Số cuối kỳ	110.407.652.350	95.627.020.164	1.033.173.515	64.809.091	207.132.655.120
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	181.970.636	-	30.909.091	212.879.727
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	47.315.771.646	48.980.695.359	302.802.526	48.831.140	96.648.100.671

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Khấu hao trong kỳ	4.595.460.021	6.114.598.519	110.697.165	8.475.003	10.829.230.708
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>51.911.231.667</u>	<u>55.095.293.878</u>	<u>413.499.691</u>	<u>57.306.143</u>	<u>107.477.331.379</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	63.091.880.704	45.910.973.472	730.370.989	15.977.951	109.749.203.116
Số cuối kỳ	<u>58.496.420.683</u>	<u>40.531.726.286</u>	<u>619.673.824</u>	<u>7.502.948</u>	<u>99.655.323.741</u>

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	110.407.652.350	51.911.231.667	58.496.420.683
Nhà xưởng 1 (30 x 120)	41.620.161.657	15.399.459.792	26.220.701.865
Xây dựng nhà xưởng chế biến 2	37.008.380.959	14.957.553.939	22.050.827.020
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	31.779.109.734	21.554.217.936	10.224.891.798
Máy móc và thiết bị	95.627.020.164	55.095.293.878	40.531.726.286
Hệ thống dây chuyền cô đặc nước ép trái cây	35.902.651.162	22.139.968.211	13.762.682.951
Máy móc thiết bị khác	59.724.369.002	32.955.325.667	26.769.043.335
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.033.173.515	413.499.691	619.673.824
Phương tiện vận tải, truyền dẫn khác	1.033.173.515	413.499.691	619.673.824
Thiết bị, dụng cụ quản lý	64.809.091	57.306.143	7.502.948
Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	64.809.091	57.306.143	7.502.948
Cộng	207.132.655.120	107.477.331.379	99.655.323.741

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 90.566.213.094 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.231.499.000	466.818.880	9.698.317.880
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>9.231.499.000</u>	<u>466.818.880</u>	<u>9.698.317.880</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.736.451.114	22.408.742	1.758.859.856
Khấu hao trong kỳ	130.487.562	50.016.312	180.503.874
Số cuối kỳ	<u>1.866.938.676</u>	<u>72.425.054</u>	<u>1.939.363.730</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.495.047.886	444.410.138	7.939.458.024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Số cuối kỳ	7.364.560.324	394.393.826	7.758.954.150

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	9.231.499.000	1.866.938.676	7.364.560.324
Quyền sử dụng đất tại ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ)	9.231.499.000	1.866.938.676	7.364.560.324
Chương trình phần mềm máy tính	466.818.880	72.425.054	394.393.826
Phần mềm quản trị nguồn nhân lực Misa Amis HRM, văn phòng số, bán hàng, Marketing và tuyển dụng	466.818.880	72.425.054	394.393.826
Cộng	9.698.317.880	1.939.363.730	7.758.954.150

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.364.560.324 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối kỳ
Chuyển giao công nghệ sấy	90.000.000	-	90.000.000
Triển khai phần mềm	-	270.000.000	270.000.000
Mặt bằng, hạ tầng	-	81.111.112	81.111.112
Cộng	90.000.000	351.111.112	441.111.112

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	5.147.665.694
Công ty Cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	-	5.147.665.694
Phải trả các nhà cung cấp khác	45.182.469.018	7.170.112.332
Công ty Cổ phần Vạn Xuân Agri	13.779.929.070	1.080.546.570
Công ty Cổ phần Quốc tế Thông Đỏ	2.315.718.252	2.320.038.252
Công ty TNHH MTV Á Châu Tây Nguyên	8.858.394.000	-
NORTH BOLAVEN AGRICULTURAL DEVELOPMENT AND PROMOTION SOLE CO, LTD	5.045.017.600	-
Công ty TNHH Bảo Long Đức Trọng	4.097.270.000	-
Hộ kinh doanh Phạm Thanh Trí	400.000.000	2.167.037.500
Các nhà cung cấp khác	10.686.140.096	1.602.490.010
Cộng	45.182.469.018	12.317.778.026

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
YOUHE (SHENZHEN) INTERNATIONAL SUPPLY CHAIN SERVICE CO., LTD	6.061.414.667	-
A&W Food Service Ltd.	1.219.226.301	159.230.964
Công ty TNHH MTV Nông sản Huỳnh Nghĩa	1.775.740.280	-
BRYAN W NASH & SONS LTD	987.584.151	-
Fruitsee Food Co., Ltd.	-	329.149.800
Các khách hàng khác	1.249.733.155	438.151.292
Cộng	11.293.698.554	926.532.056

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	932.108.673	641.189.012	939.795.982	633.501.703
Thuế thu nhập cá nhân	122.013.419	151.400.801	146.829.748	126.584.472
Thuế tài nguyên	798.000	2.796.800	3.274.400	320.400
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.493.683	4.915.963	4.577.720
Cộng	1.054.920.092	804.880.296	1.094.816.093	764.984.295

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Trái cây chỉ qua sơ chế thông thường, cây giống bán cho doanh nghiệp	Không chịu thuế
- Các loại nước ép, trái cây sấy khô xuất khẩu	0%
- Nước ép, trái cây sấy tiêu thụ nội địa, gia công mặt hàng nông sản	10%

Từ ngày 01 tháng 1 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 7116887881 chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 10 năm 2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ II ngày 25 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh đăng ký hưởng ưu đãi đầu tư theo trường hợp doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 1, Điều 15 và khoản 1, Điều 16, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, cụ thể: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ năm phát sinh doanh thu từ dự án (năm 2016), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2026 là năm thứ sáu Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Thịnh được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý được dự tính như sau:

	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.480.295.788	8.989.272.451

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.130.074	13.215.157
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	2.495.425.862	9.002.487.608
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	499.085.172	1.800.497.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(249.542.586)	(900.248.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(124.771.293)	(450.124.380)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	124.771.293	450.124.381
Thuế tài nguyên		
Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 5.000 VND/m ³ .		
15. Phải trả người lao động		
Tiền lương phải trả người lao động.		
16. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	367.410.836
Chi phí hoa hồng bán hàng	-	1.500.000.000
Chi phí lương tháng 13	-	800.000.000
Chi phí tiền điện	73.564.342	150.728.636
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	117.063.280	48.980.312
Cộng	190.627.622	2.867.119.784
17. Phải trả khác		
17a. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	44.565.000	12.407.500
Bảo hiểm xã hội	299.533.200	129.540.000
Bảo hiểm y tế	53.604.000	22.860.000
Bảo hiểm thất nghiệp	23.492.800	10.160.000
Phải trả ngắn hạn khác	767.400	-
Cộng	421.962.400	174.967.500
17b. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan		
Ông Phạm Tiến Hoài - Phải trả tiền mượn	2.575.190.995	15.123.043.209
Cộng	2.575.190.995	15.123.043.209

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)****18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	163.584.985.498	172.188.206.201
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	99.999.467.403	99.997.804.276
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	43.591.560.000	48.624.938.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.993.958.095	23.565.463.925
Vay dài hạn đến hạn trả	9.244.000.000	10.604.000.000
Cộng	172.828.985.498	182.792.206.201

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay và lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất và sở tiết kiệm của bên thứ ba.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C UPAS phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng và bảo lãnh của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của bên thứ ba.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>
Số đầu năm	182.792.206.201
Số tiền vay phát sinh	305.084.140.176
Kết chuyển từ vay dài hạn	7.273.000.000
Số tiền vay đã trả	(322.320.360.879)
Số cuối kỳ	172.828.985.498

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	10.988.000.000	21.079.500.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	10.988.000.000	21.079.500.000
Cộng	10.988.000.000	21.079.500.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để thanh toán chi phí đầu tư nhà xưởng của dự án nhà máy sản xuất nước trái cây tại địa chỉ ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ với lãi suất 8,29%/năm và 8,4%/năm cố định 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tư, sau đó lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 18 tháng. Số tiền vay được hoàn trả

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

hàng tháng, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	9.244.000.000	10.604.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.988.000.000	21.079.500.000
Cộng	20.232.000.000	31.683.500.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>
Số đầu năm	21.079.500.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	(2.818.500.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.273.000.000)
Số cuối kỳ	10.988.000.000

19. Vốn chủ sở hữu

Ngày 12 tháng 7 năm 2026, công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 244.021.050.000 VND, khoản mục vốn khác được kết chuyển sang Vốn góp của chủ sở hữu.

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	205.458.000.000	-	24.426.769.363	229.884.769.363
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	17.655.821.410	17.655.821.410
Tăng vốn từ lợi nhuận	22.599.890.000	-	(22.599.890.000)	-
Số dư cuối năm trước	228.057.890.000	-	19.482.700.773	247.540.590.773
Số dư đầu năm nay	228.057.890.000	-	19.482.700.773	247.540.590.773
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.143.147.197	12.143.147.197
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	15.963.160.000	(15.963.160.000)	-
Kết chuyển sang vốn góp chủ SH	15.963.160.000	(15.963.160.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	244.021.050.000	-	15.662.687.970	259.683.737.970

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Phạm Tiến Hoài	160.456.190.000	149.911.160.000
Các cổ đông khác	83.564.860.000	78.146.730.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	244.021.050.000	228.057.890.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông Phạm Tiến Hoài	160.456.190.000	65,75	160.456.190.000	-
Các cổ đông khác	83.564.860.000	34,25	83.564.860.000	-
Cộng	244.021.050.000	100	244.021.050.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.402.105	22.805.789
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.402.105	22.805.789
- Cổ phiếu phổ thông	24.402.105	22.805.789
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.402.105	22.805.789
- Cổ phiếu phổ thông	24.402.105	22.805.789
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng báo cáo tình hình tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	60.133,27	1.298,58
Đồng Rúp Nga (RUB)	2.085	3.075

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	194.475.259.378	13.980.693.844	272.291.329.907	103.710.597.701
Doanh thu bán thành phẩm	68.930.201.571	61.196.234.615	200.723.476.738	121.813.330.252
Doanh thu cung cấp dịch vụ	692.407.407	732.501.052	1.998.175.511	1.661.063.023
Cộng	264.097.868.356	75.909.429.511	475.012.982.156	227.184.990.976

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Công ty Cổ phần Hạnh Nguyên Logistics	-	-	58.883.000	1.750.000
Công ty Cổ phần Chế biển Thực phẩm Xuất khẩu Phú Thịnh	-	-	-	-
Cộng	-	-	58.883.000	1.750.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Giảm giá hàng bán	-	100.915.206	-	110.839.910
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-
Cộng	-	100.915.206	-	110.839.910

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	189.985.955.481	13.756.563.784	266.396.135.326	100.819.780.706
Giá vốn của thành phẩm đã bán	59.742.772.940	44.833.858.014	170.338.425.497	89.363.563.737
Cộng	249.728.728.421	58.590.421.798	436.734.560.823	190.183.344.443

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Lãi tiền gửi	442.056	2.295.297	4.184.427	5.317.191
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.203.031.650	385.721.372	2.216.537.460	902.752.435
Cộng	1.203.473.706	388.016.669	2.220.721.887	908.069.626

5. Chi phí tài chính

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Chi phí lãi vay	4.265.543.633	3.118.534.382	11.286.242.466	8.488.738.434
Lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh	527.918.334	70.833.476	866.678.050	252.158.844
Cộng	4.793.461.967	3.189.367.858	12.152.920.516	8.740.897.278

6. Chi phí bán hàng

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Chi phí cho nhân viên	449.587.500	741.265.500	1.370.986.500	1.647.091.965
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	2.499.999	-	7.499.997

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)**

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.944.842.561	1.760.044.702	7.810.374.131	3.461.477.567
Các chi phí khác	386.900.814	20.935.906	837.533.312	158.652.702
Hoàn nhập phí trích trước	-	-	(1.500.000.000)	-
Cộng	5.781.330.875	2.524.746.107	8.518.893.943	5.274.722.231

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Chi phí cho nhân viên	608.320.590	648.162.783	1.701.896.617	2.077.036.243
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.340.765	31.370.752	51.237.268	108.573.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.549.223	882.613.757	2.680.647.669	2.649.136.176
Thuế, phí và lệ phí	-	-	-	3.078.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.551.326	225.046.143	1.283.019.741	720.605.482
Các chi phí khác	543.736.957	1.112.323.528	1.286.851.156	2.045.823.833
Cộng	2.502.498.861	2.899.516.963	7.003.652.451	7.604.253.516

8. Thu nhập khác

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Thu từ khoản nợ năm trước	-	-	-	-
Thu tiền thanh lý tài sản, CCDC	-	-	-	46.296.296
Thu nhập khác	103.924	-	103.924	-
Cộng	103.924	-	103.924	46.296.296

9. Chi phí khác

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-	-	59.387.983
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.204.186	2.566.354	2.425.166	9.081.220
Thuế bị phạt, bị truy thu	13.925.888	639.625	34.016.719	13.637.703
Chi phí khác	-	-	3.002.140	-
Cộng	15.130.074	3.205.797	39.444.025	82.106.906

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	266.396.135.326	102.819.780.706
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.112.194.732	28.590.054.728
Chi phí nhân công	18.191.168.958	27.134.482.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.009.734.582	10.951.643.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.950.031.724	28.447.018.003
Chi phí khác	5.597.841.895	5.119.341.436
Cộng	452.257.107.217	203.062.320.190

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với thành viên Hội đồng quản trị:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	34.894.964.540	52.991.019.700
Trả tiền mượn	(47.442.816.754)	(54.569.349.000)

Cam kết bảo lãnh

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã dùng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức danh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Tiến Hoài	Chủ tịch Hội đồng quản trị	500.000.000	450.000.000
Ông Tô Thái Thành	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	324.100.000	319.900.000
Ông Huỳnh Trung Nghĩa	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2026)	-	-
Ông Lê Văn Tuyền	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán (bỏ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN THỊNH

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2026 (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Vũ Đăng Khoa	nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026) Thành viên Hội đồng quản trị kiêm chủ tịch Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026)	-	-
Ông Nguyễn Bá Doan	Thành viên Hội đồng quản trị (Đã miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2025		124.300.000
Ông Võ Phan Hải Âu	Thành viên Hội đồng quản trị	138.085.154	32.186.538
Ông Phan Duy Bình	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026)	64.000.000	96.000.000
Cộng		1.026.185.154	1.022.386.538

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Hạnh Nguyên Logistics

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Phú
Thịnh

Công ty Cổ phần Dịch vụ HG

Mối quan hệ

Công ty có cùng người đại diện pháp luật

Công ty có người đại diện pháp luật có
mối quan hệ với thành viên quản lý chủ
chốt

Công ty có người đại diện pháp luật là
thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Hạnh Nguyên Logistics		
Phí lưu kho	7.059.231.206	3.838.095.458
Phí kéo container , dịch vụ	4.018.307.438	1.028.219.480

Giá hàng hóa bán cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Ngô Ngọc Liên
Người lập

Trần Hà Giang
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hoài
Chủ tịch Hội đồng quản trị